

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày: 16-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Nhuận,

Bà Hà Thị Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Kim Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Bé Thị Kim Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 12/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ, ngày 29/11/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 13/TB-TA, ngày 09/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Lò Thúy Ng, sinh ngày 29/5/1999, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở trước khi bị bắt: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T1 hương, sinh năm 1979 (đã chết năm 2018) và bà Lương Thị H, sinh năm 1979. Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/6/2024; tạm giam từ ngày 04/6/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

(1). Chị Lò Thị M, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: bản Nôm, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi tạm trú: thôn M, phường N, thị xã V, tỉnh B, vắng mặt có lý do.

(2). Chị Lò Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(3). Anh Lò Văn T1, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(4). Chị Lò Thị Th, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi tạm trú: thôn B, xã L, huyện C, tỉnh H, vắng mặt có lý do.

(5). Chị Lò Thị Tr, sinh năm 2002; bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(6). Anh Quàng Văn L, sinh năm 2003; địa chỉ cư trú: bản N 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(7). Anh Lò Văn H, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(8). Anh Lò Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi ở hiện tại: thôn Đ, xã H, huyện Th, thành phố Hải Phòng, vắng mặt có lý do.

(9). Anh Lò Văn Tr2, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(10). Anh Lò Văn Th2, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(11). Chị Quàng Thị Y, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: bản S, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(12). Chị Quàng Thị Tr3, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(13). Anh Lò Văn M, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: bản S, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(14). Anh Lò Văn S, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: bản H, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Lê Đình Thu, sinh năm 1960, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Công lý, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Số nhà 144, tổ dân phố 02, phường Mh, TP. Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quàng Thị Y, anh Quàng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Hoàng Ph:* ông Tạ Ngọc Vân, sinh năm 1982, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Tạ Vân và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số 879 Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+) anh Lương Hoàng Ph, sinh ngày 27/8/2006. Địa chỉ: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

+) Bà Lò Thị Th, sinh năm 1968, địa chỉ: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt

- *Người làm chứng:*

(1). Ông Lường Văn H, sinh ngày 05/01/1984, địa chỉ: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

(2). Bà Lường Thị H, sinh ngày 29/3/1979, địa chỉ: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

(3). Ông Lò Văn Ch, sinh ngày 14/6/1964, địa chỉ: bản Hồng Sặt, xã Sam Mứn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

(4). Ông Lò Văn X, sinh ngày 24/6/1962, địa chỉ: bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 02/2022, bị cáo Lò Thúi Ng đã nhiều lần xuất cảnh sang Lào làm thuê tại các quán Bar thuộc tỉnh Phong Sa Lý, Lào và Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, Bò Kẹo, Lào. Quá trình làm việc ở các quán Bar, do tiếp xúc và giao tiếp với nhiều người Trung Quốc nên bị cáo đã học được tiếng Trung Quốc. Quá trình làm việc ở quán Bar tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, Bò Kẹo, Lào, bị cáo Ng gặp và yêu một người Trung Quốc tên là "Tiểu Sáu" đang làm quản lý cho một công ty Trung Quốc trong Đặc khu. "Tiểu Sáu" đã rủ bị cáo Ng vào làm phiên dịch trong công ty Trung Quốc; đầu tháng 02/2022, bị cáo Ng vào làm việc tại công ty do người Trung Quốc làm chủ có tên dịch ra tiếng Việt là "Mặt trời", đọc là "Tai yang", chủ công ty tên "Tiểu Chín". Công việc chính của bị cáo Ng là phiên dịch tiếng Việt sang tiếng Trung và ngược lại để người Việt Nam và người Trung Quốc nói chuyện được với nhau; thực hiện các công việc khác do chủ và quản lý công ty giao, công ty trả lương cho bị cáo Ng là 5.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc (NDT)/01 tháng. Công ty hoạt động về lừa đảo qua mạng xã hội, các công dân vào công ty làm việc sẽ được phát điện thoại di động và máy tính để bàn rồi lên mạng xã hội lập các tài khoản Facebook, Zalo ảo làm quen giới thiệu các App đầu tư tiền ảo, chứng khoán và rủ khách tải App về chơi, khi khách nạp tiền vào App sẽ bị công ty rút tiền chiếm đoạt. Công ty tuyển người Việt Nam, người Lào, người Thái Lan, người Trung Quốc sang làm việc, người Trung Quốc chủ yếu là làm quản lý và hướng dẫn cách thức lừa đảo, trực tiếp điều hành các App chơi tiền ảo, chứng khoán và rút tiền của khách, còn người Việt Nam, người Lào, người Thái Lan làm công việc lên mạng xã hội tìm khách giới thiệu và rủ khách tải App của công ty. Công ty nằm ở một khu vực riêng trong Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, bao quanh có tường rào thép gai cao khoảng 02 mét đến 03 mét; có hai cổng ra vào, bảo vệ kiểm soát người ra vào cổng và gác tại các khu vực tường rào 24/24 giờ; trong khu vực của công ty gồm 03 toà nhà, trong

đó: 01 toà 5 tầng là khu phòng ngủ; nhân viên của công ty được bố trí ở tầng 4; công ty thuê một phòng làm việc lớn ở tầng 3 thuộc toà nhà 7 tầng làm nơi làm việc, trong phòng làm việc lớn: có 2 phòng nhỏ (01 phòng làm phòng họp và cho nhân viên khi nghỉ vào uống nước, hút thuốc, 01 phòng là của quản lý và ông chủ công ty), 01 giữa phòng làm việc chung được kê 03 dãy bàn để các công dân ngồi làm việc. Một ngày các công dân phải làm việc 12 tiếng, nếu ai không lừa được hoặc kết bạn, nói chuyện được với 05 người theo chỉ tiêu giao/01 ngày thì sẽ bị phạt thêm 02 tiếng làm việc tăng ca (là 14 tiếng/01 ngày). Nếu không làm được việc muốn về sẽ bị dọa chuyển, bán đi công ty khác hoặc yêu cầu phải nộp tiền chuộc để về. Khoảng đầu tháng 3/2022, ông chủ công ty là “Tiểu Chín” nói chuyện nếu bị cáo Ng đưa được người sang công ty làm việc thì sẽ được trả công, có hai phương án nhận tiền gồm: Phương án thứ nhất: nếu các công dân làm việc trên 06 tháng thì công ty sẽ trả cho Ng 2000 NDT/ 01 người và được hưởng từ 0,5% đến 01% tiền các công dân bị cáo Ng đưa sang lừa được trong 01 tháng; Phương án 2: khi công dân sang đến công ty làm việc thì bị cáo Ng sẽ được nhận luôn 2000 NDT/01 người; bị cáo Ng đã chọn phương án thứ nhất vì sẽ nhận được nhiều tiền hơn.

Khoảng đầu tháng 4/2022, bị cáo Ng sử dụng tài khoản Facebook có tên chữ Trung Quốc (dịch sang tiếng Việt là “Thúy Thuý”) nhắn tin cho chị Lò Thị Tr nhờ đăng bài lên trang Facebook cá nhân của Trang với nội dung là tuyển 20 người nam nữ, làm việc tại đặc khu Bò Kẹo - Lào, làm việc về chăm sóc khách hàng trên máy tính tại văn phòng, được hướng dẫn làm việc, lương cơ bản khoảng 5000 NDT/01 tháng, một tháng có thể thu nhập từ 40 đến 50 triệu đồng, hợp đồng làm việc 08 tháng được hỗ trợ chi phí đi lại. Bị cáo Lò Thúy Ng nói với Trang nếu có người bình luận muốn đi làm thì bảo người đó nhắn tin trực tiếp cho bị cáo Ng. Bị cáo Ng cũng gọi điện cho mẹ ruột là bà Lương Thị H nhờ bà Hồng đi nói chuyện, cung cấp thông tin cho họ hàng và người cùng bản là bị cáo Ng có công việc làm công ty bên Lào, ai muốn đi làm thì liên hệ với bị cáo để được giúp làm thủ tục; bị cáo Ng cũng trực tiếp nhắn tin, gọi điện cho một số công dân để giới thiệu công việc rủ đi làm. Thông tin bị cáo Lò Thúy Ng đưa ra là có công việc làm cho công ty tại Lào, công việc bán hàng online, giới thiệu sản phẩm, làm việc với máy tính, công việc nhẹ nhàng, lương tháng khoảng 20 triệu đồng, không mất chi phí đi lại. Khi các công dân đồng ý đi thì bị cáo Ng hướng dẫn các công dân đi làm hộ chiếu; một số người đã được bị cáo Ng chuyển tiền trả chi phí làm hộ chiếu. Khi có hộ chiếu, bị cáo Ng hẹn ngày đi và sắp xếp thuê xe đón, đưa các công dân xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế Tây Trang - Điện Biên - Việt Nam sang công ty Trung Quốc tại Đặc khu kinh tế Tam giác Vàng, Bò Kẹo, Lào; bị cáo Ng thông báo cho công ty bố trí người đón các công dân tại cổng vào Công ty, từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, bị cáo Lò Thúy Ng đã đưa các công dân sang Lào cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* ngày 08/5/2022, bị cáo Ng thuê 02 xe ô tô để đưa 06 người vào Công ty Trung Quốc tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, Bò Kẹo, Lào làm việc gồm: chị Lò Thị Th, chị Lò Thị P, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, anh Lò Văn

T1, anh Quảng Văn L; quá trình di chuyển có đổi nhiều xe, bị cáo Ng không nhớ đã thuê những xe của ai và giá bao nhiêu tiền. Đi cùng các công dân trên còn có anh Lương Hoàng Ph, khi biết bị cáo Ng có công việc bên Lào, anh Ph nhắn tin hỏi bị cáo nhưng do anh Ph chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo Ng không đồng ý cho đi. Việc anh Ph đi cùng các công dân trên, bị cáo Ng không biết, do đó, khi các công dân đến bị cáo Ng báo công ty là có 06 người; anh Ph tự xin và được người của công ty đưa vào trong công ty theo đường tiểu ngạch (đi chui), khi gặp anh Ph trong công ty, bị cáo Ng mới biết anh Ph sang công ty làm việc.

- *Lần thứ hai*: ngày 28/5/2022, bị cáo Ng thuê xe của anh Lò Văn T4, sinh năm 1980, trú tại bản N, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với giá 10 triệu đồng/01 chuyến để đón và đưa 04 người gồm anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn H và anh Lò Văn Tr2 đến cổng Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng vào Công ty Trung Quốc để làm việc. Tiền thuê xe bị cáo Ng thông báo cho công ty chuyển tiền vào số tài khoản Ng hàng Agriank số 8900888359888 của anh Lò Văn T4.

- *Lần thứ ba*: ngày 09/7/2022, bị cáo Ng cũng thuê xe của anh Lò Văn T4 với giá 10 triệu đồng/01 chuyến để đón và đưa 04 người gồm: chị Quảng Thị Y, anh Lò Văn S, chị Quảng Thị Tr3, anh Lò Văn M đến cổng Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng vào công ty Trung Quốc làm việc.

Trong tất cả các lần đưa công dân sang, bị cáo Ng đều bảo lái xe đưa các công dân đến một nhà nghỉ ở gần cổng Đặc khu để nghỉ ngơi rồi báo cáo công ty cho người đón các công dân đi làm thủ tục test Covid và đưa vào Công ty. Khi các công dân đến Công ty, bị cáo Ng đưa đi thăm quan công ty rồi đưa lên tầng 4 toà nhà 5 tầng bố trí phòng ngủ; quản lý người Trung Quốc tên “Tiểu Sáu” yêu cầu các công dân phải nộp lại hộ chiếu nói là để gia hạn visa; các công dân chỉ được đi lại trong khuôn viên của công ty, không được ra ngoài. Khi các công dân mới sang làm việc, quản lý “Tiểu Sáu” nói với các công dân (bị cáo Ng là người trực tiếp phiên dịch) nội dung “nếu giới thiệu được người sang công ty làm việc thì sẽ được công ty trả luôn cho số tiền là 1.000 NDT/01 người”. Chị Lò Thị Th đã nói chuyện với quản lý của công ty và bị cáo Ng có chị Hồ Thị Kim Y, sinh năm 2002 và Hồ Thị Kim L, sinh năm 1996 cùng trú tại Ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai là bạn của chị Th muốn xin đi làm cùng, quản lý nhất trí; chị Th đã kết nối cho chị L trực tiếp nói chuyện với bị cáo Ng qua mạng xã hội Wechat để nói chuyện, hướng dẫn làm thủ tục và di chuyển sang công ty. Bị cáo Ng giúp công ty chuyển tiền mua vé máy bay cho L và Y bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội và bay từ Hà Nội lên Điện Biên. Sau đó, bị cáo Ng thuê xe ô tô để đưa chị L và chị Y từ Điện Biên sang Lào và vào Công ty làm việc, Bị cáo Ng không nhớ thuê xe của ai, số tiền như thế nào. Sau khi L và Y vào công ty làm việc chị Th được công ty thưởng cho 2.000 NDT.

Khi vào làm việc các công dân được người của Công ty hướng dẫn (bị cáo Ng là người phiên dịch cho quản lý hướng dẫn các công dân làm việc) lập các tài khoản Facebook, Zalo rồi kết bạn với người Việt Nam để mời họ tải các App chứng khoán, tiền ảo của công ty, khi khách nạp tiền vào phải báo cáo lại

cho quản lý biết để Công ty rút hết tiền của khách. Sau một thời gian làm việc, các công dân biết đó là công việc lừa đảo, có nhiều người không muốn nữa, do không đủ chỉ tiêu công ty giao nên bị công ty phạt làm thêm giờ. Các công dân mà bị cáo Ng đưa sang muốn xin về đề nghị bị cáo Ng báo lại cho công ty nhưng công ty không cho về mà yêu cầu phải nộp tiền phạt, sau khi nộp đủ tiền phạt thì được về, nếu không có tiền chuộc sẽ bị bán đi công ty khác. Khoảng giữa tháng 7/ 2022, các công dân bị cáo Ng đưa sang đồng loạt xin về, quản lý “Tiểu Sáu” tổ chức họp yêu cầu những ai xin về phải nộp số tiền là 01 vạn NDT (tương đương 35.000.000 VNĐ), khi đó chỉ có chị Tr và anh Ph được người nhà gửi sang 35.000.000 VNĐ nên được công ty trả hộ chiếu cho về; những người còn lại do không có tiền nộp nên tiếp tục ở lại làm. Khoảng cuối tháng 8/2022, các công dân còn lại mà bị cáo Ng đưa sang nêu ý kiến không muốn làm nữa muốn xin về Việt Nam, quản lý “Tiểu Sáu” tổ chức họp và thông báo số tiền chuộc của từng người nếu muốn về, tiền chuộc của từng người khác nhau, ai làm càng lâu thì tiền chuộc càng nhiều. Mọi người đều gọi điện về gia đình để xin gửi tiền chuộc nhưng đa số là không có tiền, chỉ có chị Quàng Thị Y và anh Lò Văn M được gia đình nhất trí nộp tiền chuộc, công ty yêu cầu chị Y và anh M nộp số tiền chuộc mỗi người là 55.000.000 VNĐ (bao gồm 51.000.000 VNĐ nộp vào công ty và 4.000.000 VNĐ tiền chi phí đi về). Kế toán của công ty thông báo cho bị cáo Ng số tài khoản 07213930001 của Ng hàng Tiền Phong mang tên Trịnh Quốc A để bị cáo Ng gửi số tài khoản trên cho chị Y và anh M gửi về nhà cho người nhà chuyển 51.000.000 VNĐ vào tài khoản của công ty, còn 4.000.000 VNĐ thì bị cáo Ng bảo chị Y và anh M báo mỗi gia đình mang 4.000.000 VNĐ đến đưa cho bà Lường Thị H (mẹ ruột của bị cáo Ng), ở bên công ty bị cáo Ng đổi sang tiền Trung Quốc đưa cho chị Y và anh M để trả tiền xe đi về Việt Nam.

Sau khi các công dân vào công ty làm việc, bị cáo Ng được công ty trả tiền hoa hồng từ 0,5% - 01%/ số tiền các công dân bị cáo Ng đưa sang công ty lừa được trong một tháng. Bị cáo Ng đã được công ty trả cho số tiền khoảng 5.400 NDT, trong đó: khoảng 3.400 NDT là 0,5% tiền hoa hồng mà các công dân bị cáo Ng đưa sang lừa được trong tháng 6, tháng 7 năm 2022 (tháng 7/2022 được 1000 NDT tiền hoa hồng các công dân lừa trong tháng 6/2022; tháng 8/2022 được 2.400 NDT tiền hoa hồng các công dân lừa trong tháng 7). Số tiền trên bị cáo Ng đổi sang tiền Việt Nam và chuyển khoản về cho bà Lường Thị H thông qua tài khoản Ng hàng Agribank số 8903205112120; đối với số tiền 2000 NDT là tiền công ty trả cho bị cáo khi chị Quàng Thị Tr3 làm việc được trên 06 tháng. Đối với chị Hồ Thị Kim Y và chị Hồ Thị Kim L: bị cáo Ng đã hướng dẫn họ đi sang công ty làm việc nhưng đó là việc công ty giao, bị cáo đã được hưởng lương theo tháng nên không được trả thêm tiền.

Trong số 14 công dân, bị cáo Ng đưa sang công ty làm việc có chị Quàng Thị Tr3 làm việc được trên 06 tháng; anh Lò Văn S làm việc được khoảng 05 tháng thì bị công ty cho thôi việc do sử dụng ma túy; 03 công dân gia đình gửi tiền chuộc là chị Lò Thị Tr nộp 35 triệu đồng, chị Quàng Thị Y, anh Lò Văn M

mỗi người nộp số tiền 51 triệu đồng; anh Lò Văn T1 và chị Lò Thị M công ty cho về không phải mất tiền chuộc; những người còn lại được cơ quan chức năng của Lào và Đại sứ quán Việt Nam tại Lào giải cứu đưa ra khỏi công ty.

Tại Bản kết luận giám định số: 1237/KL-KTHS ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đối với: 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, số IMEI 1: 353142766046638, số IMEI 2: 353142766098878, điện thoại lắp sim Viettel số 0965.599.019, điện thoại đã cũ qua sử dụng tạm giữ của Lò Thuý Ng, kết luận như sau: Trích xuất được dữ liệu điện tử, gồm: 168 danh bạ Facebook; 81 cuộc gọi Facebook; 2.404 tin nhắn Facebook; 16 tin nhắn Telegram lưu trữ trong 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen gửi giám định. Tiến hành đóng gói dữ liệu trên, thu được: 01 (một) tệp tin tên: TC655 LOTHUYNGAN.iso, kích cỡ: 1,53 GB, mã MD5: f0663867aba79c1257bdfb80110c4f62.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thuý Ng về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại chị Lò Thị Tr trình bày tại cơ quan điều tra: chị là em họ của bị cáo Lò Thuý Ng, khoảng tháng 3/2022, Ng gọi điện qua ứng dụng Messenger rủ chị sang Lào làm công việc trên máy tính, lương tháng từ 18 triệu đồng đến 20 triệu đồng, nếu không làm được thì 02 tháng sau công ty cho về. Khoảng tháng 4/2022, chị Tr đã nói chuyện lại với chị Lò Thị M, chị M nhất trí cùng đi; mấy ngày sau Ng chuyển vào tài khoản của chị 10 triệu đồng để làm hộ chiếu. Khi đó, Ng cũng nhờ chị đăng tin tuyển người cũng nội dung làm việc như Ng đã giới thiệu với chị lên trang Facebook, có một số người vào hỏi, chị nói liên hệ trực tiếp với Ng. Ngày 08/5/2022, chị cùng chị Lò Thị M, chị Lò Thị Th, anh Lò Văn T1, anh Quảng Văn L và Lường Hoàng Ph đi hai xe taxi lên Cửa khẩu quốc tế Tây Trang để xuất cảnh sang Lào. Khi làm việc tại đặc khu kinh tế, chị được phát một chiếc điện thoại, một chiếc máy tính, hướng dẫn công việc, sau một thời gian làm việc chị Tr phát hiện là công việc lừa đảo khách hàng để lấy tiền của họ nên làm việc được 20 ngày thì chị có ý định xin về nhà; Ng bảo công ty không cho về, quản lý nói nếu muốn về phải mất 01 vạn NDT tiền chuộc (là tiền ăn, ở, tiền xe đi lại, tiền máy tính, điện thoại). Sau đó, chị Tr gọi điện nhờ mẹ là bà Lò Thị H chuyển số tiền 108 triệu đồng (là tiền chuộc chị Tr, chị M và anh Lường Hoàng Ph) vào tài khoản do công ty chỉ định. Tuy nhiên, do chị M không về nữa nên công ty đã chuyển lại số tiền 35 triệu đồng vào tài khoản của mẹ chị là bà Lò Thị H. Ngày 19/7/2022 chị Tr và anh Lường Hoàng Ph được Ng đưa ra đi taxi ra ngoài đặc khu để lên xe về Việt Nam. Chị Tr không yêu cầu bị cáo Ng phải bồi thường khoản tiền gì.

Bị hại chị Lò Thị M trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2022 khi chị Mai đang làm việc cùng với chị Lò Thị Tr tại tỉnh Bắc Ninh; Tr có nói chuyện với chị về việc có chị họ tên là Lò Thuý Ng đang làm việc ở bên Lào, rủ Tr sang làm cùng; Ng nói công việc là làm trên máy tính, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng. Chị M đã nhờ chị Tr hỏi Ng có tuyển thêm người nữa không thì cho

đi cùng, Ng đồng ý cho chị đi làm cùng. Chị M và Tr cùng nhau đi làm hộ chiếu, khoảng đầu tháng 5/2022 có hộ chiếu, đến ngày 08/5/2022, chị M, chị Tr, chị Lò Thị Th, chị Lò Thị P, anh Lò Văn T1, anh Quảng Văn L và Lường Hoàng Ph xuất cảnh qua cửa khẩu Tây Trang sang Lào. Khi vào làm ở công ty chị được phát điện thoại và máy tính để làm việc, làm việc được một thời gian chị biết đó là công ty lừa đảo bất hợp pháp, chị nói với Ng là không muốn làm nữa, đề nghị được về, Ng nói chuyện với quản lý và phiên dịch lại cho chị, người quản lý Trung Quốc yêu cầu chị phải nộp 5 vạn NDT tương ứng thì mới cho về. Sau đó do bố chị ốm nặng nên Ng đã xin cho chị được về Việt Nam; công ty đã trả hộ chiếu để chị về Việt Nam. Chị không yêu cầu bị cáo Ng phải bồi thường khoản tiền gì.

Bị hại Anh Lò Văn T trình bày: anh T và Ng là người cùng bản, khoảng tháng 5/2022, bà Lường Thị H (mẹ của bị cáo Ng) bảo với anh là con gái (bị cáo Ng) đang tìm người đi làm bên Lào, hỏi anh có muốn đi làm không, anh hỏi bên đó làm những gì, bà H nói sang làm công việc máy tính, lương tháng từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/tháng. Sau khi được bố mẹ đồng ý, anh nói với bà H là đồng ý đi làm việc bên Lào, bà H gọi điện cho Ng để anh nói chuyện trực tiếp với Ng; Ng nói với anh T, có một số người cùng bản đi cùng nữa. Ngày 08/5/2022, Lò Thị Tr gọi điện cho anh T bảo chuẩn bị đồ để đi, sau đó anh cùng chị Tr, chị Lò Thị M, chị Lò Thị Th, chị Lò Thị P, anh Quảng Văn L và Lường Hoàng Ph lên xe xuất cảnh sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang đến khu vực Đặc khu kinh tế thuộc tỉnh Bò Kẹo, Lào. Trong quá trình làm việc, anh biết đó là công ty lừa đảo, công ty bắt ép anh làm việc lừa đảo để lấy tài sản của khách hàng, sau một thời gian bị tăng ca quá nhiều, anh nói với Ng muốn được về, Ng bảo anh bàn giao lại điện thoại và máy tính cho quản lý, anh hỏi về tiền lương thì Ng nói không có vì đã trừ hết vào chi phí để đưa anh sang đây. Ngày 15/6/2022, Ng đưa anh T ra cổng đặc khu làm thủ tục và trả hộ chiếu, gọi xe đưa anh Tiến về nước. Anh T đề nghị xử lý nghiêm bị cáo Ng về tội Mua bán người, anh đề nghị bị cáo phải bồi thường 15.000.000 đồng tiền tổn thất về tinh thần và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Lò Thị Th trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2022, chị Phương nói chuyện là chuẩn bị sang Lào làm việc cùng cháu gái tên Lò Thuý Ng, làm việc trên máy tính ở công ty bên Lào, lương tháng từ 4.000 tệ đến 5.000 tệ/tháng, chị Th nói với chị Ph hiện nay đang không có việc làm, có thể cho chị đi cùng được không? Chị Ph hỏi Ng thì được Ng đồng ý, Ph bảo chị cứ chuẩn bị, khi nào đi thì Ph thông báo. Cuối tháng 4/2022, Hồ Thị Kim L (sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) là bạn trước đây cùng cách ly Covid với chị nhắn tin hỏi chị Th “có việc gì làm không cho em đi làm cùng”, khi được chị Th nói chuẩn bị sang Lào làm việc, Liên bảo với chị Th là cho em đi cùng, chị Th nói chuyện lại với chị Ph, chị Ph nói để liên hệ hỏi Ng, nhưng sau đó không thấy chị Ph nói chuyện gì nên chị Th bảo với L là để chị sang trước có gì thì sẽ báo L sang sau. Ngày 08/5/2022, chị Th cùng chị Ph, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, anh Lò Văn T1, anh Quảng Văn L và Lường Hoàng Ph

lên xe để đến cửa khẩu Tây Trang xuất cảnh sang Lào. Khi sang làm việc được 01 tuần, quản lý công ty nói nếu tìm thêm được người cùng sang làm việc thì sẽ trả 1.000 NDT/người. Sau đó L vẫn nhắn tin nhờ chị xin cho đi làm, L nói có cả em ruột là Hồ Thị Kim Y cũng muốn đi làm cùng, chị đã kết nối cho Ng và L nói chuyện với nhau qua Wechat. Sau đó khoảng 01 tuần thì Y và L đến công ty mà chị đang làm việc, Ng trả cho chị 2.000 NDT nói là tiền chị được hưởng khi giới thiệu được 02 người sang công ty. Sau một thời gian làm việc, chị biết công việc mình đang làm là lừa đảo bất hợp pháp nên đã bảo Ng không làm nữa, quản lý nói muốn về thì phải trả 05 vạn tệ tiền điện nước ăn uống đi lại, do không có tiền nên chị lại quay về tiếp tục làm. Khoảng tháng 7/2022, chị lại xin về thì công ty yêu cầu phải nộp 01 vạn NDT tiền chuộc mới được về; khoảng tháng 9/2022 chị và một số người khác được Đại sứ quán Việt Nam tại Lào và Công an Lào giải cứu đưa về Việt Nam, chị yêu cầu bị cáo Ng bồi thường 35.000.000 đồng là chi phí mà gia đình chị đã chi trả khi nhờ cơ quan chức năng của Lào và đại sứ quán Việt Nam tại Lào giải cứu đưa về Việt Nam.

Bị hại chị Lò Thị P trình bày tại cơ quan điều tra: chị là bác dâu của, khoảng tháng 4/2022, Ng đang làm việc ở bên Lào có gọi điện qua ứng dụng Facebook cho chị nói có công việc làm công ty ở bên Lào, công việc nhẹ nhàng làm trên máy tính, lương tháng khoảng 4.000 NDT đến 5.000 NDT/tháng, do chị đang ở nhà không có việc gì làm nên đã nhất trí đi làm cùng Ng. Chị rủ chị Lò Thị Th, sinh năm 1991, địa chỉ: bản M, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là người quen của chị đi cùng sang Lào làm việc. Ngày 08/5/2022, Ng gọi điện bảo chị chuẩn bị đồ đạc để xuất cảnh sang Lào, đi cùng xe với chị còn có chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, anh Lò Văn T, anh Quàng Văn L và Lường Hoàng Ph. Khi vào làm công ty được một thời gian chị biết đó là công ty lừa đảo. Giữa tháng 7/2022, chị và chị Lò Thị Tr nói với Ng là muốn về, Ng nói mỗi người phải nộp cho công ty 35 triệu đồng tiền chuộc thì mới được về, chị Lò Thị Tr nộp tiền chuộc nên được về, còn chị chưa có tiền nên phải ở lại làm tiếp. Khoảng giữa tháng 8/2022 do phải tăng ca liên tục nên chị tiếp tục bảo Ng cho chị về, Ng nói muốn về phải nộp tiền chuộc, nếu không có tiền chuộc thì sẽ bị bán đi công ty khác, khoảng tháng 9/2022 chị và một số người khác được Đại sứ quán Việt Nam tại Lào và Công an Lào giải cứu đưa về Việt Nam, chị không yêu cầu bị cáo Ng bồi thường.

Bị hại anh Quàng Văn L trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2022, bố anh là ông Quàng Văn P nói có người quen ở xã N tên là Ng đang làm ở bên Lào, có công việc làm công ty, ông P hỏi anh có muốn đi làm không thì liên hệ với Ng. Anh lên trang Facebook tìm tài khoản của Ng thấy đăng tin tuyển người sang Lào làm việc, sau đó anh liên hệ với Ng đặt vấn đề muốn được đi làm, Ng nói công việc chỉ ngồi máy tính mua bán, lương khoảng 5000 NDT, nếu muốn đi làm thì phải đi làm hộ chiếu, Ng chuyển cho anh số tiền 05 triệu đồng để đi làm hộ chiếu. Ngày 08/5/2022, Ng nói anh chuẩn bị đồ đạc đi cùng chị Lò Thị Tr để sang Lào, đến chiều anh cùng chị Trang, chị Lò Thị P, chị Lò Thị Th, anh Lò Văn T, Lường Hoàng Ph đi taxi đến cửa khẩu Tây Trang xuất

cảnh sang Lào. Thời gian đầu làm việc anh làm theo hướng dẫn, làm được một thời gian anh biết đây là công việc lừa đảo nên không muốn làm, nếu không làm đủ chỉ tiêu thì bị bắt tăng ca. Khoảng đầu tháng 8/2022, vì quá áp lực nên anh cùng một số người khác bảo Ng cho về, nhưng Ng nói muốn về thì phải nộp tiền chuộc, nếu không có tiền chuộc thì sẽ bị bán đi công ty khác. Anh liên hệ với bố để gửi tiền chuộc, nhưng bố anh nói không lo được, sau đó, bố anh L đã đưa 35.000.000 VNĐ cho một người phụ nữ tên là Th để làm thủ tục và chi phí đi lại đưa anh về Việt Nam, chị Th đã viết đơn giúp anh L và một số người khác gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Lào và Công an Lào; đến tháng 9/2022 thì được Đại sứ quán Việt Nam tại Lào và Công an Lào giải cứu đưa về Việt Nam. Anh đề nghị xử lý bị cáo Ng theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng cho gia đình anh.

Bị hại anh Lò Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: tháng 4/2022, bà Lương Thị H đến nhà nói chuyện với bố mẹ anh là con gái là Ng đang làm việc bên Lào kiếm được nhiều tiền, nếu anh muốn đi làm thì liên hệ với Ng. Anh Hạnh liên lạc qua Facebook nói chuyện với Ng, anh hỏi Ng làm những công việc gì, Ng nói việc nhẹ nhàng lương cao khoảng 20 triệu đồng/ tháng, chỉ cần biết gõ máy tính là được và bảo anh nếu đi làm thì làm hộ chiếu. Khoảng cuối tháng 5/2022, Ng cho xe ô tô con đến đón anh H, đi cùng xe còn có anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn T và anh Lò Văn Tr2 cùng xuất cảnh sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang đến tỉnh Bò Keo, Lào. Đến khu vực đặc khu kinh tế, anh được học việc, cấp máy tính và điện thoại. Sau một thời gian làm việc anh biết đây là công việc lừa đảo, đến cuối tháng 8/2022, anh cùng một số người nói với Ng không muốn làm việc, Ng dẫn anh đến gặp chủ quản, chủ quản nói muốn về phải nộp tiền chuộc, do hoàn cảnh khó khăn nên anh không có tiền chuộc, phải ở lại làm việc tiếp. Đến tháng 9/2022, anh và một số người liên lạc với người nhà nhờ đại sứ quán Việt Nam tại Lào can thiệp. Sau đó, anh và những người khác được Đại sứ quán Việt Nam tại Lào giải cứu đưa ra khỏi đặc khu trao trả về Việt Nam. Anh đề nghị xử lý bị cáo Ng theo đúng quy định pháp luật.

Bị hại anh Lò Văn T1 trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 5/2022, mẹ anh gặp bà Lương Thị H, bà Hồng nói với mẹ anh là Ng có công việc làm công ty ở bên Lào, nếu muốn sang làm cùng Ng thì nhắn tin cho Ng. Sau đó anh liên lạc với Ng, hỏi công việc bên đó làm gì. Ng nói công việc là ngồi máy tính nói chuyện với khách hàng, lương được 5000 NDT, chi phí đi lại sẽ được lo hết. Ngày 28/5/2022, anh và anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn H, anh Lò Văn Tr2 được đón bằng xe ô tô màu đen, đến cửa khẩu Tây Trang xuất cảnh để đến tỉnh Bò Keo, Lào. Sau một thời gian làm việc, anh biết là công việc lừa đảo, anh nói với Ng là muốn về, Ng bảo chủ công ty nói là phải trả tiền chuộc, nếu không thì sẽ bán sang công ty khác. Khoảng đầu tháng 9/2022, anh và một số người khác liên lạc với gia đình nhờ Đại sứ quán Việt Nam tại Lào can thiệp, sau đó anh và những người khác được Đại sứ quán Việt Nam và Công an Lào giải cứu đưa về Việt Nam. Anh đề nghị xử lý hành vi của bị cáo Ng theo quy định của pháp luật, anh không yêu cầu bị cáo Ng bồi thường.

Bị hại Lò Văn Tr2 trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2022, mẹ bị cáo Ng là bà Lường Thị H đến nhà anh nói chuyện, qua nói chuyện bà Hồng nói Ng có công việc bên công ty Lào, nói nếu muốn sang làm thì liên lạc với Ng. Sau đó anh thấy Ng kết bạn nhắn tin với anh, anh hỏi công việc bên ấy là gì, Ng nói là công việc ngồi máy tính nói chuyện tư vấn khách hàng, lương được 20 triệu đồng/tháng, chi phí đi lại do Ng lo hết. Ngày 28/5/2022, anh được đón đi lên một chiếc xe ô tô đen do Ng thuê đến cửa khẩu Tây Trang xuất cảnh sang Lào, đi cùng xe còn có anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn H, anh Lò Văn T1. Khi đến làm việc, anh được phát máy tính và điện thoại, qua một thời gian làm việc anh biết đó là công ty lừa đảo, làm việc nếu không đạt chỉ tiêu thì sẽ bị ép làm tăng ca. Khoảng tháng 7/2022, anh cùng một số người khác đề nghị được nghỉ việc về Việt Nam, công ty nói phải nộp số tiền 35.000.000 đồng, do không có tiền nộp nên anh phải ở lại làm việc tiếp. Đến tháng 9/2022, anh được Đại sứ quán Việt Nam và Công an Lào giải cứu đưa ra khỏi công ty trao trả về Việt Nam. Anh đề nghị xử lý bị cáo Ng theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Ng phải bồi thường số tiền 35.000.000 đồng là chi phí anh nhờ người giúp đỡ đưa anh từ Lào về Việt Nam.

Bị hại chị Quàng Thị Y trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng đầu tháng 7/2022, bà Lường Thị H (mẹ bị cáo Ng) là họ hàng có nói với chị có con gái tên Ng đang làm bên Lào, cần tuyển người sang làm việc nhẹ lương cao, ngồi làm việc với máy tính. Sau đó chị liên lạc với Ng qua Facebook để nói chuyện, Ng nói với chị là người yêu Ng mở công ty cần tìm người sang làm, công việc chỉ cần ngồi máy tính giới thiệu sản phẩm cho khách, lương khoảng 20 triệu đồng/tháng, Ng bảo nếu có bạn bè thì rủ sang làm cùng. Chị đã rủ vợ chồng anh Lò Văn S, chị Quàng Thị Tr3 ở bản H, xã S, huyện Đ và anh Lò Văn M ở cùng bản sang làm cùng. Ng nói nếu muốn sang làm thì đi làm hộ chiếu, sẽ có người trả tiền cho. Sau khi làm xong hộ chiếu, ngày 09/7/2022, cả 4 người cùng đi đến cửa khẩu Tây Trang xuất cảnh sang Lào đến đặc khu kinh tế để làm việc. Khi vào làm chị được hướng dẫn lập tài khoản kết bạn, rồi bị giao chỉ tiêu làm, nếu không đạt chỉ tiêu sẽ phải tăng ca, sau một thời gian làm việc chị biết đó là công việc lừa đảo. Giữa tháng 7/2022, chị nói với Ng muốn về, Ng nói mỗi người phải nộp 35.000.000 đồng thì mới được về, chị không có tiền chuộc nên vẫn phải ở lại làm việc. Một thời gian sau chị xin về thì quản lý nói những người ở lâu hơn thì tiền chuộc cao hơn, chị gọi điện về gia đình chuyển số tiền 51.000.000 đồng vào tài khoản của công ty để chuộc chị về. Sau khi chuyển tiền xong thì 2 đến 3 ngày sau có một người của công ty trả hộ chiếu cho chị, chị đã bắt xe khách để về Việt Nam. Chị yêu cầu bị cáo Ng bồi thường số tiền 51.000.000 đồng mà gia đình chị đã gửi cho công ty để chuộc chị về.

Bị hại chị Quàng Thị Tr3 trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng đầu tháng 7/2022, có chị Quàng Thị Y (sinh năm 1996) sang nhà chồng chị là Lò Văn S nói có chị gái và cháu gái đang làm việc bên Lào, Y rủ chị và chồng chị sang Lào làm việc cùng Y, công việc là bán hàng online trên máy tính, chỉ cần dùng máy tính nhắn tin với khách và trả lời, mức lương từ 4000 NDT đến 5000 NDT.

Sau đó chị Y cùng vợ chồng chị đi làm hộ chiếu, đến ngày 09/7/2022, vợ chồng chị và chị Y cùng 01 người nữa tên là M lên một chiếc xe ô tô màu đen đến cửa khẩu Tây Trang làm thủ tục xuất cảnh sang Lào. Khi đến khu vực đặc khu kinh tế thuộc tỉnh Bô Kẹo, Lào, anh chị bị thu hộ chiếu và được hướng dẫn làm việc, được cấp máy tính và điện thoại. Qua một thời gian làm việc, chị biết là công ty lừa đảo, chị và chồng chị nói với Ng là muốn về, Ng nói quản lý bảo phải làm hết hợp đồng mới được về, nếu không làm hết hợp đồng thì sẽ bị phạt tiền phá hợp đồng. Chị và anh S làm việc được một thời gian thì anh S bị đuổi vì sử dụng ma túy, còn chị tiếp tục làm đến tháng 01/2023, chị bảo Ng là muốn về, Ng nói quản lý công ty đồng ý cho chị về nhưng bị giữ lại tháng lương cuối vì chưa làm hết hợp đồng và trả lại hộ chiếu cho chị, sau đó, Ng đưa chị ra khỏi đặc khu kinh tế, chị tự bắt xe về Việt Nam; chị không yêu cầu bị cáo Ng bồi thường gì.

Bị hại anh Lò Văn M trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 7/2022, chị Quảng Thị Y ở cùng bản rủ anh đi làm ở bên Lào, chị nói có người họ hàng tên Ng đang làm việc ở bên Lào, giới thiệu bên đó việc nhẹ lương cao chỉ cần biết sử dụng máy tính, điện thoại, lương khoảng 15 triệu đến 20 triệu/ 01 tháng. Sau đó anh đi làm hộ chiếu, ngày 09/7/2022, anh cùng chị Quảng Thị Y, anh Lò Văn S và chị Quảng Thị Tr3 lên xe đi cửa khẩu Tây Trang xuất cảnh sang Lào đến khu vực đặc khu kinh tế thuộc tỉnh Bô Kẹo, Lào để làm việc. Làm việc được một thời gian anh biết công việc là lừa đảo, anh nói với Ng muốn về, Ng bảo quản lý yêu cầu phải nộp tiền chuộc, anh và chị Y mỗi người 51.000.000 đồng tiền chuộc, sau đó mẹ anh chuyển số tiền 51 triệu đồng vào số tài khoản mà Ng gửi cho chị Y. Sau khi người nhà anh chuyển tiền xong thì ngày hôm sau công ty trả hộ chiếu cho anh và chị Y và cho người đưa ra khỏi đặc khu. Sau đó anh tự bắt xe khách về Việt Nam; anh đề nghị bị cáo Ng bồi thường số tiền 51.000.000 đồng mà gia đình đã bỏ ra để chuộc anh về.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Hoàng Ph trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng tháng 4/2022 anh biết thông tin chị Ng có công việc bên Lào, ai muốn đi thì liên hệ với chị Ng để nói chuyện. Anh đã nhắn tin nói chuyện với Ng, Ng hỏi anh bao nhiêu tuổi, anh nói đủ 16 tuổi, Ng nói thế thì không đi được, không đồng ý cho anh đi làm. Sau đó anh Ph tự đi làm hộ chiếu, thấy mọi người chuẩn bị đồ đạc đi sang Lào, lúc đó đang nghỉ hè nên anh nghĩ sang bên Lào làm việc 01 đến 02 tháng rồi về học tiếp, nên đã chuẩn bị đồ đạc đi cùng mọi người sang Lào; khi anh Ph đi Lào bố mẹ anh, Ng đều không biết. Ngày 08/5/2022, có hai chiếc xe taxi đến đón mọi người, đến cửa khẩu Tây Trang đề mọi người làm thủ tục xuất cảnh sang Lào. Đến ngày 09/5/2022, có một người Trung Quốc đến đón và đưa mọi người vào cổng đặc khu để xét nghiệm máu, khi đó anh cũng xin đi cùng nhưng vì mới 16 tuổi nên không đi được, anh có ra dấu hiệu cho người đàn ông Trung Quốc là anh cũng muốn đi cùng, người đàn ông đó đồng ý và cử một người đàn ông Trung Quốc khác dẫn anh đi đường khác vào Đặc khu. Khi vào làm anh được phát một cái máy tính và hai chiếc điện thoại, qua một thời gian làm việc anh biết đó là công việc lừa đảo. Sau khi làm hết tháng thứ 2 do áp lực và không làm việc được nên xin về, chị

Ng nói không đưa Ph sang nên không giúp được, nếu muốn về phải đền tiền phạt hợp đồng là 35.000.000 đồng. Bố mẹ anh Ph đã gửi tiền cho công ty để chuộc anh về. Ngày 20/7/2022, anh ra khỏi đặc khu đi taxi mà gia đình anh thuê từ Việt Nam sang về Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Tây Trang. Anh Ph không yêu cầu bị cáo Ng phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Th trình bày: bà là mẹ đẻ của bị hại anh Lò Văn H, khoảng tháng 5/2022, anh H bị bị cáo Lò Thuý Ng lừa sang Lào làm lao động bất hợp pháp, tại đây anh H bị ép làm thêm giờ, bắt tăng ca, sau đó do anh H không chịu được và muốn về thì công ty bắt gia đình phải gửi tiền chuộc là 170 triệu đồng, tuy nhiên do không có tiền chuộc gửi sang nên anh H phải tiếp tục làm. Sau đó bà nhờ được một người tên là Th (bà không biết năm sinh và địa chỉ) liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam và Công an Lào giúp đưa Hạnh về. Chị Th đã giúp bà viết đơn gửi Đại sứ quán Việt Nam và Công an Lào, bà đưa cho chị Th số tiền 35.000.000 đồng là chi phí đi lại, tiền làm thủ tục nhờ Công an Lào và Đại sứ quán đưa anh H về. Bà không biết chị Th chi tiền như nào, không có tài liệu gì về việc đưa tiền cho chị Th. Do số tiền 35 triệu đồng là bà đi vay mượn để đưa anh H về nên bà yêu cầu bị cáo Lò Thuý Ng phải bồi thường lại số tiền 35.000.000 đồng cho bà.

Người làm chứng ông Lương Văn H trình bày tại cơ quan điều tra: ông là bố đẻ của anh Lương Hoàng Ph, khoảng tháng 3/2022, Ph gọi điện xin đi làm bên Lào mấy tháng hè, ông đồng ý đi. Ông H hỏi ai đưa đi thì Ph bảo tự đi; khi sang Lào làm việc Ph gọi điện qua ứng dụng Messenger cho ông H và bảo làm việc ở công ty là lừa đảo, nếu không làm được thì phải tăng ca; lúc này ông mới biết Ph sang đó làm công việc lừa đảo. Ph làm được hai tháng thì gọi điện nói là không muốn làm nữa, muốn về nhưng công ty bắt nộp tiền chuộc là 35.000.000 đồng. Sau đó Ph nói còn có cháu Lò Thị Tr cũng đi làm giống Ph và muốn xin về, ông H gọi điện cho mẹ cháu Tr là chị H (là chị gái ruột của ông) nói cháu Ph và cháu Tr muốn về, chị thu xếp gửi tiền chuộc sang giúp trước. Sau đó, chị H đã ra Ng hàng gửi tiền sang Lào để chuộc cháu Ph và cháu Tr về. Hai ngày sau Ph gọi điện thông báo đã được về rồi, đang ở cửa khẩu Tây Trang làm thủ tục về Việt Nam.

Người làm chứng bà Lương Thị H trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo Ng, khoảng tháng 4/2022, Ng đang làm việc bên Lào có gọi điện về cho bà nhờ đi hỏi xem có ai đi làm cùng không thì bảo Ng để Ng giúp làm thủ tục sang Lào. Sau đó bà đi nói chuyện với anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn H, chị Quảng Thị Y là người nhà và người cùng bản, nếu họ muốn đi làm thì liên hệ với Ng. Còn việc những ai đi và làm thủ tục thế nào bà không rõ, công việc cụ thể bên Lào như thế nào bà không biết. Việc bà giới thiệu công việc những người này cho Ng bà không được hưởng lợi gì.

Người làm chứng ông Lò Văn Ch trình bày tại cơ quan điều tra: ông là bố đẻ của bị hại anh Lò Văn S, khoảng tháng 7/2022, anh S nói chuyện với ông về việc Sg và vợ là Lò Thị Tr chuẩn bị sang Lào làm việc, Sáng không nói là ai giới thiệu và làm công việc gì. Ông chỉ nghe thấy anh S nói chuyện là sang Lào làm

công việc máy tính, không phải làm chân tay, lương tháng khoảng 18 triệu đến 20 triệu đồng. Sau đó vợ chồng S cùng một số người khác rủ nhau đi, còn đi như thế nào thì ông không biết. Khoảng 01 tháng sau, anh S gọi điện về báo ông là không làm được, công ty báo không làm được việc sẽ bị chuyển đi chỗ khác, báo ông có tiền thì thu xếp chuyển cho S để được về. Nhưng gia đình không có tiền nên không chuyển được, đến tháng 10/2022 thì anh S được trao trả về Việt Nam.

Người làm chứng ông Lò Văn X trình bày: ông là bố đẻ của bị hại Lò Văn Th2, khoảng tháng 5/2022, anh Th nói với ông về việc bà Lường Thị H nói có công ty bên Lào, công việc nhẹ nhàng, lương cao, anh Th xin ông sang bên đấy làm việc cùng Ng. Ông đồng ý, anh Th tự đi làm hộ chiếu và chuẩn bị đồ đạc để đi, cuối tháng 5/2022, Th đi cùng một số người khác sang Lào, ông không biết ai đón, đưa đi. Sau khi làm được một thời gian anh Th gọi điện về nói là bị ép làm công việc lừa đảo, không muốn làm nữa nhưng công ty yêu cầu nộp tiền chuộc, lúc đó gia đình không có tiền nên đã báo anh Th cố gắng ở lại làm việc cho hết hợp đồng. Đến tháng 9/2022, anh Th nói gia đình gửi tiền để có chi phí đi về Việt Nam, gia đình đã gửi tiền để Th về Việt Nam.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Thúy Ng thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và Tòa án xét xử là đúng người, đúng tội không oan sai; công nhận lời khai của các bị hại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Thúy Ng đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố bị cáo Lò Thúy Ng phạm tội Mua bán người, áp dụng điểm d khoản 3 Điều 150; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Thúy Ng từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu sung Ng sách 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 màu đen thu giữ của Lò Thúy Ng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lò Thúy Ng phải nộp 18.601.056 đồng là tiền do phạm tội mà có vào Ng sách nhà nước. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: trong quá trình điều tra các bị hại Lò Thị Th, Quảng Văn L, Lò Văn Tr2, bà Lò Thị Th là mẹ của bị hại Lò Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mỗi người 35.000.000 đồng; các bị hại Quảng Thị Y, Lò Văn M yêu cầu bồi thường mỗi người 51.000.000 đồng; tại phiên tòa bị hại Lò Văn T1 yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng, đề nghị áp dụng điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật

Dân sự buộc bị cáo Ng phải bồi thường cho các bị hại theo quy định. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thuý Ng không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện sinh sống của bị cáo thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo nhận thức pháp luật chưa đầy đủ; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đã mất, mẹ bị bệnh hiểm nghèo; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã đầu thú và có cụ ngoại ông Lường Văn Ổ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; tại phiên tòa bị hại Lò Văn T1, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Đồng nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về án phí và xử lý vật chứng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quảng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quảng Thị Y, anh Quảng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Hoàng Ph: ông Tạ Ngọc Vân đề nghị: đồng thuận với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng nhất với ý kiến của các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường, căn cứ vào ý kiến của bị cáo tại phiên tòa ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tội danh cũng như hình phạt; bị hại Lò Văn T1, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quảng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quảng Thị Y, anh Quảng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Hoàng Ph: ông Tạ Ngọc Vân giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin lỗi các bị hại cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: các bị hại anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn S, anh Lò Văn H, chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, chị Quàng Thị Y, anh Quàng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Hoàng Ph; Người làm chứng Lò Văn Ch, Lường Văn H đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, chị Quàng Thị Y, anh Quàng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lường Hoàng Ph, người làm chứng Lò Văn Ch vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; các bị hại Lò Văn Th2, Lò Văn S không có mặt tại địa phương và không có địa chỉ cư trú hiện nay ở đâu; bị hại Lò Văn H, người làm chứng Lường Văn H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người có tên trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt họ đều có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Trong khoảng thời gian làm phiên dịch cho Công ty do người Trung Quốc quản lý tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng thuộc tỉnh Bò Kẹo, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, bị cáo Lò Thúy Ng biết rõ người lao động trong Công ty phải làm việc nhiều giờ trung bình 12 giờ/01 ngày nếu không đủ chỉ tiêu công ty giao thì bị ép tăng ca thêm 02 giờ; người lao động bị thu giữ hộ chiếu, không được đi lại tự do; phải làm việc phi pháp nhưng khi biết có thể thu được lợi nhuận từ việc đưa người lao động là người Việt Nam sang Lào vào công ty làm việc. Bị cáo lợi dụng các bị hại đang tìm việc làm, đã cố ý đưa ra thông tin giả sang Lào làm công ty máy tính, bán hàng online với mức lương khoảng 20.000.000 đồng/01 tháng, không mất chi phí đi lại. Sau đó, hướng dẫn các công dân làm hộ chiếu, thuê xe đón và đưa các bị hại sang Lào và chuyển giao cho các đối tượng người Trung Quốc để nhận tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, thể hiện:

- *Lần thứ nhất:* ngày 08/5/2022, bị cáo Ng thuê 02 xe ô tô để đưa 06 người vào Công ty Trung Quốc tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng, Bò Kẹo, Lào làm việc gồm: chị Lò Thị Th, chị Lò Thị P, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, anh Lò Văn T1, anh Quàng Văn L.

- *Lần thứ hai:* ngày 28/5/2022, bị cáo Ng thuê xe của anh Lò Văn T1 đón và đưa 04 người gồm anh Lò Văn Th2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn H, anh Lò Văn Tr2 đến Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng sau đó bố trí người đón vào Công ty Trung Quốc để làm việc.

- *Lần thứ ba*: ngày 09/7/2022, bị cáo Ng cũng thuê xe của anh Lò Văn T1nh đón và đưa 04 người gồm: chị Quàng Thị Y, anh Lò Văn S, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn M đến cổng Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng sau đó đón vào công ty Trung Quốc làm việc.

Lời khai của bị cáo Ng phù hợp với lời khai của các bị hại (496-636); Đơn tố giác tội phạm (BL 01-03); Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú (BL 04-05); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 07); Biên bản xác minh lịch sử xuất nhập cảnh của Lò Thúy Ng, Lò Thị Th, Lò Thị Tr, Lò Thị M, Lò Thị P, Lò Văn T1, Quàng Văn L, Lương Hoàng Ph, Lò Văn Th2, Lò Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn Tr2, Quàng Thị Y, Lò Văn S, Quàng Thị Tr3, Lò Văn M (BL 34-54); Biên bản kiểm tra điện thoại của Lò Thúy Ng (BL 69-403); Kết luận giám định (BL 454); biên bản ghi lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Mặc dù quá trình điều tra không lấy được lời khai của anh Lò Văn S và anh Lò Văn Th2 do không có mặt tại địa phương và không rõ địa chỉ mới, nhưng căn cứ lời khai của anh Lò Văn H, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, chị Quàng Thị Y, chị Quàng Thị Tr3 và anh Lò Văn M phù hợp với chính lời khai của bị cáo Ng, phù hợp với lịch sử xuất, nhập cảnh của anh Sáng, anh Thành. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định trong tháng 5 và tháng 7/2022, bị cáo Lò Thúy Ng đã có hành vi thuê xe ô tô đưa các anh Lò Văn T1, Quàng Văn L, Lò Văn Th2, Lò Văn T1, Lò Văn H, Lò Văn Tr2, Lò Văn S, Lò Văn M và các chị Lò Thị Th, Lò Thị P, Lò Thị Tr, Lò Thị M, Quàng Thị Y, Quàng Thị Tr3 ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chuyển giao cho một người khác để nhận 5.400 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) tương đương 18.601.056 VNĐ. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán người*”, với tổng số người bị cáo chuyển giao là 14 người bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự. Đối với chị Hồ Thị Kim L và chị Hồ Thị Kim Yển, do không có lời khai, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ chưa đủ căn cứ để xác định bị cáo đã đưa và chuyển giao 02 người này cho Công ty Trung Quốc để nhận tiền, lợi ích vật chất. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xem xét trong vụ án này, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét xử lý trách nhiệm đối với bị cáo.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thúy Ng về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người nói chung và của phụ nữ nói riêng. Việc mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che giấu dưới vỏ bọc thuê lao động; lợi dụng

sự tin tưởng của họ hàng, bạn bè để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội và sự bất bình trong Nhân dân.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Bị cáo Lò Thúy Ng sinh ra và cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bản thân được gia đình tạo điều kiện cho đi học hết lớp 9/12. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân. Bị cáo chưa có tiền sự; chưa có tiền án. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú. Quá trình điều tra bị cáo đã nhờ gia đình tự nguyện bồi thường cho các bị hại Lò Thị Th, Quàng Văn L, Lò Văn Tr2, Quàng Thị Y, Lò Văn M, bà Lò Thị Th là mẹ của bị hại Lò Văn H mỗi người 10.000.000 đồng và nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; tại phiên tòa bị hại Lò Văn T1, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quàng Thị Y, anh Quàng Văn L, chị Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Hoàng Ph: Luật sư Tạ Ngọc Vân xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo có 03 lần phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo Lò Thúy Ng hình phạt tù thật nghiêm khắc để răn đe và giáo dục bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, đề nghị Người bào chữa cho bị cáo, của bị hại Lò Văn T1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quàng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quàng Thị Y, anh Quàng Văn L, chị Lò Thị P về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có thu nhập thường xuyên, không có tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo:

Đối với số tiền 5.400 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) tương đương 18.601.056 VNĐ, bị cáo đã nhận được từ việc chuyển giao các bị hại, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải nộp toàn bộ vào Ng sách

Nhà nước.

[8] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với số tài khoản 07213930001 của Ng hàng TMCP Tiền Phong bị cáo Ng đã cung cấp cho người nhà của chị Quảng Thị Y, anh Lò Văn M chuyển tiền chuộc cho Công ty Trung Quốc. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã xác định được chủ tài khoản tên Trịnh Quốc A có địa chỉ cư trú tại tổ 6, phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tại cơ quan điều tra Trịnh Quốc A trình bày: trước đây có đăng ký và sử dụng số tài khoản trên, đến năm 2022 đã cho một người bạn tên Đ sử dụng. Không đủ căn cứ để xác định Trịnh Quốc A có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Ng, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Đối tượng tên Tiểu Sáu, Tiểu Chín người Trung Quốc theo lời khai của bị cáo là người đã nhận chuyển giao các bị hại, do ngoài lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không đủ thông tin để Cơ quan cảnh sát điều tra xác minh làm rõ, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Lương Thị H là người giúp bị cáo Lò Thúy Ng thông báo tin có việc làm bên Lào, hàng tháng nhận tiền do bị cáo Ng chuyển khoản. Tuy nhiên, quá trình tố tụng làm rõ bà Hồng không biết việc Ng đưa các bị hại sang Lào làm việc gì, tiền nhận được là tiền gì; không được lợi ích gì từ việc này nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét xử lý.

Đối với Lò Văn T là người được bị cáo Ng thuê xe đưa các bị hại sang Lào, tuy nhiên quá trình tố tụng cho thấy anh Tình không biết bị cáo Ng đưa các bị hại sang Lào làm gì, Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh không đặt vấn đề xem xét xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, các bị hại trình bày bị đưa vào Công ty Trung Quốc tại Đặc khu kinh tế Tam Giác Vàng ép làm công việc lừa đảo trên không gian mạng. Tuy nhiên, chưa đủ tài liệu để xác định các bị hại có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam, Cơ quan CSĐT không đề cập xem xét trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại Lò Thị Tr, Lò Thị P, Lò Thị M, Lò Văn T1, Lò Văn H, Quảng Thị Tr3 không yêu cầu bị cáo Ng phải bồi thường thiệt hại gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị hại Lò Văn S, Lò Văn Th2 không có mặt tại địa phương, không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy cần tách phần dân sự của các bị hại Lò Văn S, Lò Văn Th2 để giải quyết sau khi các bị hại có yêu cầu.

Tại phiên tòa bị hại anh Lò Văn T đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng thiệt hại về tinh thần. Cũng tại phiên tòa bị cáo Lò Thúy Ng đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại Lò Thị Th, Quảng Văn L, Lò Văn Tr2 mỗi người 35.000.000 đồng; bồi thường cho các bị hại Quảng Thị Y, Lò Văn M

mỗi người 51.000.000 đồng; bồi thường cho bà Lò Thị Th là mẹ của bị hại Lò Văn H số tiền 35.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lò Văn T1 15.000.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[10] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thúy Ng. Quá trình tố tụng đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Lò Thúy Ng, bị cáo đã sử dụng điện thoại trên vào việc phạm tội, vì vậy, cần tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Trong giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản số 0965599019 của Ngân hàng Mbank mang tên Lò Thúy Ng, trong tài khoản có số dư 330.842.358 đồng. Quá trình điều tra xác định khoản tiền không liên quan đến vụ án, ngày 26/9/2024 Cơ quan CSĐT đã ban hành Quyết định hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số 995/QĐ-CSHS đối với số tài khoản trên của bị cáo.

Đối với tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank) số 19071945435017 mang tên Lò Thúy Ng, số dư tài khoản 40.007.109 đồng. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã có văn bản yêu cầu Ng hàng tạm dừng giao dịch đối với số tài khoản trên. Hội đồng xét thấy, số tiền trong tài khoản không liên quan đến vụ án, tuy nhiên cần căn cứ Điều 129, Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Về án phí:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Lò Thúy Ng.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quảng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1, chị Quảng Thị Y, anh Quảng Văn L, chị Lò Thị P và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lò Thúy Ng phạm tội Mua bán người.
- Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Thúy Ng **12 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2024.

2. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo Lò Thúy Ng và các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể như sau:

- Bị cáo Lò Thúy Ng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về chi phí giải cứu như sau:

+) Bồi thường cho chị Lò Thị Th 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

+) Bồi thường cho anh Quàng Văn L 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

+) Bồi thường cho anh Lò Văn Tr2 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

+) Bồi thường cho bà Lò Thị Th là mẹ của bị hại Lò Văn H 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

+) Bồi thường cho chị Quàng Thị Y 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu*

đồng). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 41.000.000 đồng (*Bốn mươi một triệu đồng*).

+) Bồi thường cho anh Lò Văn M 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*). Bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001761, ngày 27/9/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Bị cáo Ng còn phải bồi thường tiếp số tiền 41.000.000 đồng (*Bốn mươi một triệu đồng*).

+) Bồi thường cho anh Lò Văn T1 tiền tổn thất về tinh thần là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật chị Lò Thị Th, anh Lò Văn Tr2, anh Quảng Văn L, bà Lò Thị Th, chị Quảng Thị Y, anh Lò Văn M, anh Lò Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lò Thúy Ng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Tách phần dân sự của các bị hại Lò Văn S, Lò Văn Th2 để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bị hại có yêu cầu.

3. Về tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Lò Thúy Ng phải nộp 18.601.056 đồng (*Mười tám triệu sáu trăm linh một nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*) vào Ng sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, điện thoại đã qua sử dụng của Lò Thúy Ng, trong một phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có chữ “PHONG BÌ NIÊM PHONG 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, màu đen, niêm phong ngày 24/7/2024 tại Phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên”. Mặt sau phong bì có chữ ký, họ tên của Lò May Thi, Bùi Văn Sơn và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

(*Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 24 tháng 10 năm 2024*).

5. Áp dụng Điều 129 và khoản 2 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Áp dụng biện pháp phong tỏa 01 tài khoản số 19071945435017 mang tên Lò Thúy Ng, số thẻ căn cước công dân 011199004124, cấp ngày 28/6/2023, nơi cấp Cục C06 Bộ Công an, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank), địa chỉ trụ sở chính của Techcombank: Số 6 phố Quang Trung, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; số tiền bị phong tỏa 40.007.109 đồng (*Bốn mươi triệu không trăm không chục bảy nghìn một trăm linh chín đồng*) của bị cáo Lò Thúy Ng để đảm bảo việc thi hành án.

6. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Lò Thúy Ng.

7. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Lò Thúy Ng, bị hại anh Lò Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lò Thị Th có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại chị Lò Thị Th, chị Lò Thị Tr, chị Lò Thị M, chị Quảng Thị Tr3, anh Lò Văn Tr2, anh Lò Văn T1, anh Lò Văn M, chị Quảng Thị Y, anh Quảng Văn L, chị Lò Thị P, anh Lò Văn H, anh Lò Văn S, anh Lò Văn Th2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Anh Lương Hoàng Ph có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo; các Bị hại và Người đại diện hợp pháp, Người có QLNVLQ;
- Người BVQ và LIHP cho bị hại;
- Cục thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa